



Xī bān yá

西班牙

proper noun (country) · Spain

Example Sentences

Wǒ míng nián xiǎng qù Xī bān yá lǚ xíng

我明年想去西班牙旅行。

I want to travel to Spain next year.

Xī bān yá de zú qiú hěn yǒu míng

西班牙的足球很有名。

Spanish football is very famous.

Trace each character, then write the word on your own.

西	西	西	西	西	西	西	西	西		
班	班	班	班	班	班	班	班	班	班	班
班	班									
牙	牙	牙	牙	牙	牙	牙				